

**Rx Thuốc bán theo đơn**

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thông tin xin hỏi ý kiến của Bác sĩ

**VIÊN NANG OMEPRAZOLE**  
(Omeprazole Delayed-Release Capsules USP)

**Thành phần:**

Mỗi viên nang chứa:

Omeprazole USP 20mg (dưới dạng hạt bao tan trong ruột)

Hóa học: 5-methoxy-2-[[{(4-methoxy-3,5-dimethyl-2pyridinyl)methyl}sulfinyl]-1H-benzimidazole

Nhóm dược lý: ức chế bơm proton

**Dược lý học:**

Omeprazole ức chế rõ rệt sự tiết acid dạ dày ở mức cơ bản và cả khi bị kích thích. Omeprazole có cách tác dụng duy nhất là phong bế không hồi phục bơm proton của tế bào viền, là giai đoạn cuối cùng của con đường tiết acid dạ dày.

**Dược động học:**

Omeprazole hấp thu nhanh sau khi được giải phóng khỏi viên bao tan trong ruột. Nồng độ đỉnh trong huyết tương của Omeprazole đạt 0,5 - 3,5 giờ sau khi uống. Bao tan trong ruột làm tăng sinh khả dụng trên 65%. Gần khoảng 95-96% vào protein -huyết tương. Omeprazole đào thải nhanh và hầu như hoàn toàn qua chuyển hóa. Có 3 chất chuyển hóa thấy ở trong huyết tương đó là các dẫn xuất sulfide, sulfon của Omeprazole và hydroxyl Omeprazole. Các chất chuyển hóa có rất ít hoặc không còn tác dụng chống tiết.

**Chỉ định**

Loét tá tràng và dạ dày, hội chứng Zollinger Ellison, trào ngược thực quản

**Chống chỉ định**

Người quá mẫn cảm với các thành phần của chế phẩm

**Tác dụng ngoại ý/phản ứng có hại:**

Những tác dụng ngoại ý hay gặp nhất với Omeprazole là nhức đầu tiêu chảy, cơn đau bụng, buồn nôn, choáng váng, nôn, phát ban, đầy hơi, táo bón, mệt mỏi.

Những tác dụng này thường thoáng qua và không cần giám liều

\*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc

**Thận trọng và cảnh báo:**

Omeprazole làm tăng các u carcinoid ở dạ dày phụ thuộc liều lượng. Mẫu sinh thiết từ dạ dày người không phát hiện có nguy cơ khi dùng Omeprazole trong thời gian ngắn

Với trẻ em: không khuyến cáo dùng omeprazole ở trẻ em

**Tương tác thuốc:**

Omeprazole có tương tác với hệ enzym cytochrom P450 và từ đó ức chế sự chuyển hóa của nhiều thuốc như diazepam, warfirin và phenytoin. Do có tác dụng ức chế sâu và kéo dài lên sự tiết acid dạ dày nên Omeprazole có thể tương

tác với các thuốc mà pH dạ dày là quyết định quan trọng tới sinh khả dụng của thuốc (ví dụ với ketoconazole, ampicilin, các aster và các muối sắt)

**Khi mang thai và thời kỳ cho con bú:**

Chỉ dùng Omeprazole trong thai kỳ khi lợi ích cho mẹ vượt hẳn nguy cơ cho thai. Phụ nữ trong thời kỳ cho con bú cần phải ngừng cho bú nếu mẹ phải dùng Omeprazole

**Liều lượng và cách dùng:**

Loét tá tràng-dạ dày tiến triển: mỗi ngày 20mg, uống trong 2-4 tuần

Loét tá tràng nghiêm trọng: mỗi ngày 40mg, uống trong 4-8 tuần

Trào ngược thực quản: mỗi ngày 20mg, dùng trong 4-8 tuần

Loét thực quản nghiêm trọng: mỗi ngày 20-40mg, dùng trong 4-8 tuần

Hội chứng Zollinger Ellison: mỗi ngày 60mg, thời gian điều chỉnh tùy theo đáp ứng của bệnh nhân

Không cần điều chỉnh liều với người cao tuổi hoặc với bệnh nhân suy gan hoặc suy thận

**Quá liều, triệu chứng, thuốc giải độc:**

Liều mỗi ngày tới 360mg được dung nạp tốt. Chưa có thuốc giải độc đặc hiệu.

Omeprazole gắn mạnh vào protein huyết tương, vì vậy không dễ thẩm tách được.

Khi gặp quá liều, cần điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng

**Bảo quản:** Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng

\* Để thuốc tránh xa tầm tay của trẻ em

**Trình bày:** Hộp 10 vỉ x 10 viên nang bao tan trong ruột

**Tiêu chuẩn:** USP

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất

\* Không được dùng thuốc quá hạn sử dụng

Nơi sản xuất:

**BRAWN LABORATORIES LTD**

13, New Industrial Township, Faridabad 121001 (Haryana), India